

# VỀ ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA MÔN NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG<sup>1</sup>

Bùi Mạnh Hùng \*

## TÓM TẮT

Bài viết trình bày định hướng đổi mới chương trình và sách giáo khoa môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Việc đổi mới cần tiến hành trên nhiều bình diện: mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học. Thay vì chú trọng đến việc cung cấp kiến thức về tiếng Việt và văn học, môn Ngữ văn cần giúp học sinh phát triển các năng lực tổng quát và năng lực đặc thù của môn học, đặc biệt là năng lực giao tiếp ở cả bốn kĩ năng: đọc, viết, nghe và nói. Theo cách đó, nội dung chương trình sẽ không được thiết kế theo hệ thống các tác phẩm văn học và các bình diện của cấu trúc ngôn ngữ mà theo bốn kĩ năng với mức độ phức tạp tăng dần. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá cũng phải được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển năng lực ngữ văn của học sinh.

Từ khóa: chương trình, sách giáo khoa, ngữ văn, trường phổ thông, năng lực, đọc, viết, nghe, nói.

## ABSTRACT

### Innovation orientation of programs and textbooks of philology in high schools

This paper presents innovation orientation of program and textbooks of philology in high schools. The innovation should be conducted on many aspects: objectives, contents, teaching and test methods as well as teaching result evaluation. Instead of focusing on providing knowledge of Vietnamese language and literature, philology should help students develop the overall and specific capability of the subject, especially the communication competence in all four skills: reading, writing, listening and speaking. In this way, the curriculum will not be designed according to the system of literary works and aspects of language structure but in accordance with four skills with increasing level of complexity. The teaching, test and assessment methods must be based on the target of philological capacity development of students.

Keywords: program, textbooks, philology, high schools, capacity, reading, writing, listening, speaking.

Có lẽ tất cả chúng ta đều không mấy hài lòng với việc dạy và học môn Ngữ văn ở trường phổ thông hiện nay. Tình trạng đó có rất nhiều nguyên nhân phức tạp. Bên cạnh những nguyên nhân tác động tiêu cực đến nền giáo dục của chúng ta nói chung, có những nguyên nhân liên quan trực tiếp đến môn học. Bài viết này chỉ giới hạn việc luận bàn trong phạm vi chương trình và sách giáo khoa.

Chương trình và sách giáo khoa là những thành tố

căn bản trong quá trình giáo dục, đào tạo, nhất là đối với những quốc gia có hệ thống giáo dục có tính chất tập quyền như Việt Nam. Đối với những quốc gia có truyền thống phân quyền như Hoa Kỳ thì tình hình có khác, vì tính tự chủ của giáo viên rất cao. Nhiều giáo viên không hề sử dụng sách giáo khoa. Còn chương trình của bang (không có chương trình liên bang) chỉ xác định những chuẩn mực căn bản về kiến thức, kỹ năng mà quá trình dạy học phải đạt được. Theo cách đó, chất lượng giờ dạy học phụ thuộc chủ yếu vào người

\* PGS. TS, Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM

<sup>1</sup> Bài viết đã tham gia Hội thảo Quốc gia về đổi mới dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam (do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức), có bổ sung một số chi tiết.

giáo viên. Việt Nam chưa thể học theo mô hình phân quyền như vậy, ít nhất trong ngắn hạn. Vì vậy, không chỉ chương trình mà cả sách giáo khoa cũng cần được nghiên cứu kỹ lưỡng để chuẩn bị cho việc cải cách giáo dục phổ thông sắp tới.

So với trước đây, chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn hiện nay của chúng ta đã có một số đổi mới đáng kể như tích hợp các nội dung dạy học Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn vào một chỉnh thể, không dạy các tác phẩm văn học theo trình tự thời gian mà theo thể loại (ở trung học cơ sở), đưa vào chương trình cả những văn bản phi hư cấu và chú trọng đến hoạt động đọc hiểu văn bản<sup>2</sup>. Tuy nhiên, những thay đổi đó chưa vượt ra khỏi triết lí và phương pháp giáo dục truyền thống để thích ứng với bối cảnh mới: đất nước và thế giới đã thay đổi, chiến tranh Việt Nam đã kết thúc hơn 35 năm, con người Việt Nam đã khác trước và đất nước đang đứng trước những thách thức lớn trong công cuộc hội nhập và cạnh tranh toàn cầu, khoa học giáo dục và khoa học Ngữ văn đã tiến những bước dài.

Trước hết cần phải xác định mục tiêu căn bản và đặc thù của môn Ngữ văn ở trường phổ thông. Đó là môn học:

1) Giúp học sinh (HS) phát triển năng lực giao tiếp ngôn ngữ ở tất cả các hình thức: đọc, viết, nói và nghe, trong đó bao gồm cả năng lực thu thập và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để viết và nói; giúp các em sử dụng tiếng Việt chính xác, mạch lạc, có hiệu quả và sáng tạo với nhiều mục đích khác nhau trong nhiều ngữ cảnh đa dạng. Ngoài ra, môn Ngữ văn cũng chú ý giúp HS phát triển năng lực giao tiếp (thể hiện/trình bày và tiếp nhận) bằng các phương tiện nghe nhìn hay phương tiện phi ngôn ngữ (tranh ảnh, biểu đồ, phim...).

2) Thông qua những tác phẩm văn học đặc sắc, giúp HS phát triển năng lực thẩm mỹ, nhạy cảm và tinh tế với các sắc thái của tiếng Việt, khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu giá trị nhân bản và thân

phận của con người; giúp HS biết đọc và có hứng thú đọc các tác phẩm văn học, biết viết và thảo luận, có hứng thú viết và thảo luận về các tác phẩm văn học.

3) Giúp HS phát triển năng lực tư duy, đặc biệt là tư duy suy luận, phản biện, biết đánh giá tính hợp lí và ý nghĩa của những thông tin và ý tưởng được tiếp nhận; giúp HS phát triển năng lực tưởng tượng và sáng tạo, sự tự tin, năng lực tự lập, năng lực hợp tác và tinh thần cộng đồng.

4) Giúp HS hình thành và phát triển phương pháp học tập, nhất là phương pháp tự học để có thể tự học suốt đời và biết ứng dụng những kiến thức và kỹ năng học được vào cuộc sống. Nhờ được trang bị kiến thức, kỹ năng, và có được thói quen, kinh nghiệm đọc nhiều kiểu văn bản khác nhau trong nhà trường, khi trưởng thành, HS có thể tự đọc sách để không ngừng nâng cao vốn tri thức và văn hóa cần thiết cho cuộc sống và công việc.

5) Trang bị cho HS những kiến thức phổ thông, cơ bản và hiện đại về tiếng Việt và văn học, góp phần phát triển vốn tri thức căn bản của một người có văn hóa. Giúp HS có được hiểu biết về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn học với đời sống xã hội.

6) Bồi dưỡng cho HS có thái độ tích cực và tình yêu đối với tiếng Việt và văn học, qua đó biết trân trọng, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hóa Việt Nam; có hứng thú và niềm vui đọc sách; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại, có khả năng hội nhập quốc tế, trở thành những công dân toàn cầu, nhưng luôn có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc Việt Nam.

Có thể có nhiều cách diễn đạt và trình tự sắp xếp các ý tưởng khác nhau, nhưng trên căn bản, các mục tiêu như vậy đã được hiểu khá thống nhất từ lâu. Thế nhưng, trên thực tế, trong số những mục tiêu trên, chỉ có vài mục tiêu đạt được ở mức rất khiêm tốn: HS được rèn luyện chút ít kỹ năng đọc, viết; và tiếp thu một số kiến thức về tiếng Việt và văn học. Vấn đề đặt ra hiện nay là

<sup>2</sup> Bên cạnh những đổi mới tích cực nói trên, có những thay đổi tương là tiến bộ, nhưng thật ra là một bước lùi, chẳng hạn như "cập nhật" một số thành tựu của ngôn ngữ học hiện đại.

thứ tự ưu tiên và con đường đi đến những mục tiêu đó.

Đưa việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp lên đầu tiên không chỉ vì nó là mục tiêu quan trọng và đặc thù của môn Ngữ văn mà còn vì đó là mục tiêu “mở đường” cho các mục tiêu khác. Nếu mục tiêu này không đạt được thì không có hy vọng thành công ở bất kì mục tiêu nào. HS phải có kỹ năng và hứng thú đọc thì qua hoạt động đọc đó, văn học mới thật sự có tác động đối với người học. Và ngược lại, văn học thông qua những áng văn đặc sắc về tư tưởng, tình cảm và nghệ thuật ngôn từ sẽ tác động tích cực đến hứng thú đọc sách của HS, sau đọc là viết và thảo luận, trao đổi với nhau, nhờ đó các kỹ năng giao tiếp được rèn luyện và cũng nhờ đó mà các mục tiêu khác của môn Ngữ văn mới đạt được. Nếu không giúp HS phát triển được kỹ năng giao tiếp thì việc dạy học Ngữ văn không có tác dụng gì đáng kể. Đó là chưa nói đến vai trò của việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp đối với các môn học khác, khiến cho môn Ngữ văn có vị trí đặc biệt trong chương trình giáo dục phổ thông của mọi quốc gia trên thế giới.

Hiện nay, chương trình Ngữ văn của Việt Nam chủ yếu tập trung vào nội dung kiến thức. Việc dạy học văn học vẫn nặng về giảng giải nội dung tác phẩm, lịch sử văn học và tác giả; dạy học tiếng Việt vẫn tập trung vào cấu trúc ngôn ngữ. Chương trình quy định chi tiết nội dung cho từng cấp học và lớp học, chi tiết đến từng tác giả và tác phẩm. Và sách giáo khoa, tài liệu cụ thể hóa chương trình, như một cuốn cẩm nang dẫn đường cho tất cả: từ các cấp chỉ đạo chuyên môn đến thầy cô giáo và HS. Tác giả và tác phẩm đã được quy định. Hệ thống các câu hỏi và những điều cần ghi nhớ đã được in sẵn trong sách giáo khoa. “Miếng cơm đã được nhai sẵn”, HS chỉ việc “đưa vào miệng”. Các em được ăn, nhưng không cảm nhận được vị ngon của món ăn. Nói theo cách của các nhà giáo dục Phần Lan: như những con cá chết trôi theo dòng chảy của con suối<sup>3</sup>. Cách dạy học Ngữ văn lấy sách giáo khoa làm “khuôn vàng thước

ngọc” của chúng ta chỉ tạo ra những sản phẩm được đúc từ một khuôn. Ngay cả khi cái khuôn đó có hoàn hảo đi chăng nữa thì đó cũng không phải cách dạy học đúng đắn theo quan niệm giáo dục hiện đại, vì nó biến những cá thể sinh động, đa dạng thành những con cá chết.

HS của chúng ta có thể học thuộc những ghi nhớ về nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm văn học và tiểu sử của các nhà văn trong sách giáo khoa, nhưng không mấy khi được đọc kỹ lưỡng toàn bộ một tác phẩm văn học, nhất là văn xuôi và có cảm xúc thực sự khi đọc. HS của chúng ta có thể viết lại đúng các định nghĩa, nhận diện và phân loại chính xác các đơn vị và hiện tượng ngôn ngữ, nhưng không có thời gian thực hành các hoạt động giao tiếp. Các em không mấy khi được thảo luận (nói và nghe) về một tác phẩm mà mình yêu thích (đọc). Các bài làm văn phần lớn được HS viết theo ý tưởng gợi ý của giáo viên và các loại sách tham khảo mà các em học thuộc lòng. Giáo viên cũng không có thời gian chấm và sửa bài cho kỹ lưỡng. Kỹ năng viết một cách sáng tạo, thể hiện năng lực đánh giá, phê phán một cách độc lập của người viết bị biến thành kỹ năng học thuộc ý tưởng và cách diễn đạt của người khác và chép lại. Theo nguyên lí của giáo dục, dạy là một hoạt động làm cho quá trình học được diễn ra. Nói nhiều trong lớp mà HS không nghe, nghe mà không hiểu, hiểu mà không cảm thấy thích thú, tức là người giáo viên đang nói vào thình không. Cách mà chúng ta giảng bài như lâu nay chỉ làm cho quá trình học diễn ra ở số khía cạnh, vì vậy chỉ đạt được một số mục tiêu kh-iếm tốn như đã nêu. Một môn học đòi hỏi nhiều cá tính sáng tạo và sự tưởng tượng của cả người dạy và người học đang trở nên khô khan, buồn tẻ và bị xa lánh<sup>4</sup>.

Cuối những năm 1970 đầu 1980, nhất là những năm học hệ chuyên văn ở Huế, chúng tôi đã từng được học với nhiều thầy cô dạy văn tâm huyết và tài năng. Thời đó nghèo lắm nên sách giáo khoa cũng sơ sài. Thế mà

<sup>3</sup> Xem: <http://asiasociety.org/video/education-learning/ingredients-worlds-best-education-system>

<sup>4</sup> Như đã nói từ đầu, tình trạng này không phải chỉ do chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn. Do đó để khắc phục thì không phải chỉ cần cải cách chương trình và sách giáo khoa là đủ.

lại may! Có rất nhiều giờ học cả lớp ngồi nghe say sưa, nhất là những bài về Truyện Kiều. Chúng tôi tin rằng hiện nay không phải không có những giờ học như thế. Nhưng cái hay của giờ dạy học theo kiểu đó không đáp ứng đủ mục tiêu của môn Ngữ văn hiện nay. Vì cách dạy học đó thiếu sự tương tác giữa thầy cô với HS và giữa HS với nhau và đặt HS vào thế tiếp thu thụ động; không giúp HS phát triển tính năng động, sự chủ động, tư tin; không chú ý đến việc rèn luyện cho HS kỹ năng diễn thuyết, đối thoại, tranh luận, thuyết phục. Nếu không được phát triển tốt những năng lực và kỹ năng đó, các công dân Việt Nam sẽ chỉ có thể làm việc với nhau, hoàn toàn lép vế trong môi trường giao tiếp quốc tế, dễ thua cuộc trong cuộc cạnh tranh toàn cầu.

Vậy chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn sắp tới phải cải cách theo hướng nào?

Đó phải là chương trình và sách giáo khoa dành cho HS cơ hội được học trong môi trường tương tác để đạt đến những mục tiêu căn bản của môn học, chứ không phải đến lớp để nghe giáo viên giảng bài<sup>5</sup>. Muốn vậy, chương trình và sách giáo khoa phải được thiết kế và biên soạn theo cách lấy bốn kỹ năng giao tiếp (đọc, viết, nghe, nói)<sup>6</sup> làm các trục chính. Phần kiến thức về ngôn ngữ và văn học là hai trục bổ trợ. Những nội dung trọng tâm của việc dạy học Ngữ văn đều được thực hiện thông qua các hoạt động thực hành bốn kỹ năng đó. Sự tiến bộ của HS qua từng cấp học và lớp học được thể hiện qua năng lực đọc, viết, nghe, nói ở các mức độ phức tạp và tinh vi khác nhau, chứ không phải qua hiểu biết về các giai đoạn văn học sử, tác giả, tác phẩm hay thể loại văn học.

Xin nói rộng ra một chút, như vậy thì chương trình đào tạo giáo viên Ngữ văn ở các trường đại học sư

phạm cũng phải thay đổi. Để đào tạo giáo viên Ngữ văn, từ hàng thập kỉ nay, về phương pháp giảng dạy bộ môn, chỉ có những môn như Phương pháp giảng dạy văn học sử, Phương pháp giảng dạy lí luận văn học, Phương pháp giảng văn, Phương pháp giảng dạy Tập làm văn, Phương pháp giảng dạy từ vựng tiếng Việt, Phương pháp giảng dạy ngữ pháp tiếng Việt. Tên gọi những môn học này đã cho thấy khoa Ngữ văn của các trường đại học sư phạm Việt Nam chủ yếu đào tạo những ông thầy dạy kiến thức cho HS phổ thông. Sinh viên không hề được đào tạo để dạy cho HS các kỹ năng giao tiếp cơ bản, chẳng hạn họ không được học để biết dạy đọc, viết, nói, nghe khác nhau ở chỗ nào; làm thế nào để tổ chức cho HS thành các nhóm để rèn luyện các kỹ năng đó; làm thế nào để xây dựng một môi trường giúp HS có sự tin cậy lẫn nhau để mạnh dạn thảo luận những gì các em đọc được, những gì các em viết ra; làm thế nào để giúp một HS nhút nhát có tự tin để phát biểu ý kiến trước các bạn trong nhóm, trước lớp học, để sau này ra đời các em có thể hùng biện trước đám đông và có khả năng thích ứng với môi trường giao tiếp quốc tế, v.v.. Nếu chỉ thay đổi chương trình Ngữ văn phổ thông mà không thay đổi chương trình đào tạo giáo viên Ngữ văn ở các trường sư phạm thì dù các ý tưởng thiết kế có hoàn hảo bao nhiêu cũng không thể mang lại kết quả như ý muốn vì thiếu những người thi công có đủ năng lực.

Nói đến đọc, viết, nghe, nói thì dĩ nhiên xuất hiện câu hỏi đọc, viết, nghe, nói cái gì. Trẻ con cũng như người lớn, ai cũng vậy, thích làm những gì mà mình thấy thiết thực hay có hứng thú, điều đó đúng cho cả việc đọc và viết, nghe và nói. Vì thế, các tác phẩm và đề tài được học phải làm cho HS thấy được tính thiết thực của việc học hay khơi gợi được hứng thú của các em. Muốn

<sup>5</sup> Nhiều nơi hiện nay đang có phong trào dùng máy tính và chương trình Powerpoint để trình chiếu đề cương hay từng đoạn bài giảng và coi đó là "đổi mới phương pháp dạy học bằng cách ứng dụng công nghệ thông tin". Đó chẳng qua là một phiên bản của phương pháp thuyết giảng, nhưng với chi phí cao hơn và hiệu quả rất hạn chế, nhất là đối với bộ môn Ngữ văn. Ứng dụng công nghệ thông tin phải gắn với việc khai thác thông tin và dữ liệu trên internet để phục vụ cho giờ dạy học. Những thông tin và dữ liệu loại đó hiện nay chủ yếu là bằng tiếng Anh, vì vậy không mấy giáo viên khai thác được. Ngay cả đối với giảng viên đại học, đó cũng đã là một việc khó.

<sup>6</sup> Theo quan niệm của nhiều nhà giáo dục Hoa Kỳ thì ngoài bốn kĩ năng giao tiếp trên, còn có hai kĩ năng khác cần được dạy trong nhà trường, đó là kĩ năng trình bày và tiếp nhận thông tin qua các kênh nghe nhìn và việc dạy các kĩ năng đó không thể thuộc vào môn nào khác ngoài môn Ngữ văn.

vậy, sách giáo khoa phải xác định một tỉ lệ thích hợp giữa các tác phẩm văn học cổ điển và văn học cách mạng với những tác phẩm đương đại, phản ánh những gì gần gũi với nhu cầu và tâm lí của tuổi trẻ ngày nay. Đó là sự lựa chọn có định hướng, nhưng là sự định hướng lấy người học làm trung tâm, chứ không phải dựa trên sở thích và quyền lợi của người lớn. Nếu không tính đến quyền của tuổi trẻ, được đọc và viết, được nghe và nói những gì mà các em thấy thiết thực và có hứng thú thì việc dạy học sẽ có tính áp đặt, hiệu quả giáo dục sẽ rất hạn chế. Nếu chúng ta không quan tâm đến sở thích, hứng thú chính đáng của giới trẻ thì các em cũng sẽ quay lưng với chúng ta. Đó chính là thực trạng của môn Ngữ văn và rất nhiều môn học khác trong nhà trường hiện nay.

Như vậy, chương trình phải rất mở, có thể làm cơ sở cho việc biên soạn nhiều bộ sách giáo khoa khác nhau. Để nội dung dạy học thực sự gần gũi với đối tượng HS, chương trình chỉ nên quy định những nội dung tương đối tổng quát và chuẩn kiến thức, kỹ năng mà HS cần đạt sau khi học xong chương trình, không quy định chi tiết đến từng tác phẩm văn học cụ thể phải được dạy và học. Quyền lựa chọn tác phẩm văn học thuộc về tác giả sách giáo khoa, mỗi nhóm tác giả có những lựa chọn riêng của mình và tất cả đều được một hội đồng cấp quốc gia phê duyệt. Ngoài ra, nên dành một tỉ lệ nhất định các tác phẩm văn học do chính HS chọn lựa trong số những tác phẩm do giáo viên hay tổ bộ môn giới thiệu hay ngược lại do giáo viên hay tổ bộ môn chọn lựa trong số những tác phẩm do HS giới thiệu. Phần chương trình địa phương buồn tẻ như trong sách giáo khoa Ngữ văn hiện nay nên dành cho nội dung tự chọn này. Tất nhiên, tác phẩm văn học không phải là loại văn bản duy nhất được dạy trong môn Ngữ văn. Các loại văn bản phi hư cấu cũng là một phần quan trọng và cũng phải được lựa chọn theo nguyên tắc tính đến đặc điểm tâm lí và nhu cầu của người học.

Sau việc lựa chọn văn bản và đề tài là cách thức tiến

hành các giờ dạy học trong lớp. Chương trình và sách giáo khoa phải tạo cơ hội cho HS được tự đọc sách, chia sẻ các cảm xúc và ý tưởng nảy sinh từ việc đọc dưới hình thức nói và viết. Sách giáo khoa và giáo viên tuyệt đối không được “đọc hộ” các em. Không thể nào hình dung một tác phẩm văn học phải được đọc theo một cách duy nhất với một kết quả duy nhất như cách ghi nhớ trong sách giáo khoa hiện nay. Nếu sau khi tự đọc một tác phẩm văn học mà HS có hiểu sai lạc hay ngây ngô thì dù sao các em cũng có dịp tự đọc, tự suy nghĩ và được nói ra những gì mình nghĩ, điều đó có lợi gấp trăm lần so với cách học văn không cần đọc tác phẩm mà chỉ cần ghi nhớ cách hiểu và cách diễn đạt của người khác rồi nhắc lại như vẹt. Giáo viên phải tạo được môi trường để HS cảm thấy tự tin và có hứng thú “mở miệng” trong lớp học. Tập cho học sinh làm việc theo từng cặp hay theo nhóm<sup>7</sup> để các em không chỉ phát biểu với thầy cô mà còn trao đổi, tranh luận với nhau.

Có như vậy thì môn Ngữ văn mới giúp HS rèn luyện toàn diện các kỹ năng giao tiếp.

Có như vậy thì môn Ngữ văn mới giúp HS phát triển năng lực thẩm mỹ, khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu giá trị nhân bản và thân phận của con người.

Có như vậy thì môn Ngữ văn mới giúp HS phát triển năng lực tư duy, sự tự tin, tính tự lập và tinh thần cộng đồng.

Có như vậy thì môn Ngữ văn mới giúp HS hình thành và phát triển phương pháp học tập để có thể tự học suốt đời và biết ứng dụng những kiến thức và kỹ năng học được vào cuộc sống.

Có như vậy thì môn Ngữ văn mới giúp HS có thái độ tích cực và tình yêu đối với tiếng Việt và văn học, qua đó biết trân trọng, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hóa Việt Nam.

<sup>7</sup> Hiện nay, việc áp dụng cách tổ chức lớp học làm việc theo cặp hay theo nhóm ở Việt Nam chưa mấy thành công vì cách dạy học cũ đã ăn sâu vào thói quen của cả thầy và trò. Để có một thể hệ thích ứng hoàn toàn với hình thức học như vậy, chúng ta phải bắt đầu dạy cho HS từ lớp một.

Và bằng cách cung cấp cho HS các khái niệm công cụ để đọc và viết thì việc dạy học Ngữ văn cũng đạt được mục tiêu ít quan trọng hơn của nó là truyền đạt kiến thức về ngôn ngữ và văn học. Như vậy, nắm kiến thức về ngôn ngữ và văn học cũng không phải là mục đích tự thân của việc học, mà trước hết nó nhằm phục vụ cho việc phát triển năng lực giao tiếp và các năng lực nhận thức.

Vấn đề cuối cùng là cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS. Do chương trình Ngữ văn từ trước đến nay quy định quá chi tiết các tác giả và tác phẩm cần học, nên các kì thi Ngữ văn thường cứ xoay quanh những tác giả và tác phẩm quen thuộc, đến mức có năm người ta có thể khoanh vùng được một phạm vi rất hẹp các tác giả và tác phẩm mà người ra đề có thể ra. Đó là mảnh đất màu mỡ cho nạn học vẹt, học tủ và vớ bèo các lò luyện thi. Gần đây có những chuyển biến đáng ghi nhận, chẳng hạn tăng thêm tỉ lệ đề thi nghị luận xã hội, làm cho nội dung đánh giá đa dạng hơn. Nếu chương trình xây dựng dựa trên các kỹ năng giao tiếp và không khép kín những tác giả và tác phẩm cần dạy và học trong nhà trường thì cách thức đánh giá chắc chắn sẽ có những thay đổi đáng kể, hướng nhiều hơn vào việc đánh giá năng lực và kỹ năng của HS, chứ không kiểm tra kiến thức và khả năng ghi nhớ. Cách thức ra đề thi của SAT tại Hoa Kỳ hay của

PISA là một gợi ý tốt cho hướng đổi mới cách thức đánh giá kỹ năng đọc và suy luận sấp tới của chúng ta. Và phần bài văn nghị luận cần mở về đề tài trong cả hai mảng nghị luận văn học và nghị luận xã hội.

Việc xây dựng chương trình Ngữ văn trong 12 năm học dựa trên các trục chính là những kỹ năng giao tiếp là một thách thức lớn đối với các nhà chuyên môn Việt Nam, vì xây dựng chương trình theo kiểu liệt kê các tác giả và tác phẩm văn học cần học và dàn đều các nội dung liên quan đến cấu trúc ngôn ngữ cho từng lớp là cách làm đơn giản hơn nhiều. Ngoài ra, còn có nhiều việc khác phải làm tiếp theo như phải tập huấn và đào tạo lại giáo viên phổ thông, cải cách chương trình và phương pháp dạy học môn Ngữ văn ở các trường đại học sư phạm. Rõ ràng đó là một lựa chọn khó khăn cho ngành giáo dục Việt Nam, nhưng có lẽ đó là con đường duy nhất để môn Ngữ văn hoàn thành được sứ mạng cao cả của nó.